

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ

TIẾNG VIỆT DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI - TẠI TRƯỜNG TC CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN - NĂM HỌC 2017 - 2018

Theo QĐ số: 335/QĐ-CĐSP ngày 22/11/2018 - Ngày ký CC: 26/11/2018 - Người ký CC: PHT - PT - TS.Trương Đình Thắng

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Năm TN	Xếp loại TN	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Số CMND (người nhận)	Người nhận (ký, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
1	Douangchanh	VIENGVILAY	30/6/1968	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10394	446/2018			
2	Bounkham	INTHISAN	02/02/1982	Savannakhet	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10416	447/2018			
3	Souksana	VONGDALA	09/04/1970	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10448	448/2018			
4	Khambang	KEOPHOUTTHO	05/05/1977	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10449	449/2018			
5	Kaysone	KETTAVONGSA	06/08/1985	Savannakhet	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10450	450/2018			
6	Phengkham	XAYAVONG	15/9/1983	Savannakhet	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10451	451/2018			
7	Phouva	KEOPASEUTH	07/08/1973	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10452	452/2018			
8	Khamphoutsady	KEOMISY	15/10/1976	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Xuất sắc	10453	453/2018			
9	Kongchay	KIETTAVONG	15/12/1986	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10454	454/2018			
10	That	SYHAVONG	07/07/1973	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10455	455/2018			
11	Kongsamay	VENGCHALEUN	11/10/1978	Savannakhet	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10456	456/2018			
12	Saykham	BOUNTHAVONG	04/12/1968	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10457	457/2018			

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Năm TN	Xếp loại TN	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Số CMND (người nhận)	Người nhận (ký, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
13	Vongdavanh	INSIXIENGMAI	01/11/1984	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10458	458/2018			
14	Xaysavan	KANTIYALAT	13/11/1979	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10459	459/2018			
15	Thongvilay	THONGMAHA	24/8/1969	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Khá	10460	460/2018			
16	Khamphoun	CHANTHAVONGSA	10/08/1986	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Khá	10461	461/2018			
17	Chansoulay	LEUAMPHATSADA	14/6/1981	Savannakhet	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10462	462/2018			
18	Sonekham	KEOVILAY	03/05/1985	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Khá	10463	463/2018			
19	Champy	ORLAVANH	10/11/1984	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Xuất sắc	10464	464/2018			
20	Lobinsanh	KEOPANYA	22/12/1982	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10465	465/2018			
21	Kongmy	KHOMTHILATH	14/10/1984	Savannakhet	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10466	466/2018			
22	Somphet	VENMYXAY	10/01/1974	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10467	467/2018			
23	Sonexay	CHANTHALAY	14/7/1982	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10468	468/2018			
24	Vannakone	LIEMTHANYAVONG	06/12/1984	Savannakhet	Nam		Lào	2018	Giỏi	10469	469/2018			
25	Phoutphonexay	CHANTHAVONG	15/7/1982	Savannakhet	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10470	470/2018			
26	Intha	SILISONGKHAM	07/06/1976	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10471	471/2018			

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Năm TN	Xếp loại TN	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Số CMND (người nhận)	Người nhận (ký, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
27	Somsack	PHOTCHALEUNE	05/02/1969	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10472	472/2018			
28	Sompong	SENTHAVISOUK	06/09/1971	Salavan	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10473	473/2018			
29	Santy	KHOUNTHAVISENG	08/08/1975	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10474	474/2018			
30	Sipasird	CHALERNSOUK	05/05/1984	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10475	475/2018			
31	Boungkong	SAYSOMBATH	18/8/1964	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10476	476/2018			
32	Khamsone	SAYSOUNTHONE	03/06/1968	Salavan	Nam		Lào	2018	Khá	10477	4772018			
33	Khammanh	VILAVANH	20/5/1979	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10478	478/2018			
34	Amphay	PANTHARSEE	03/08/1976	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10479	479/2018			
35	Malaythong	INRASENG	02/10/1983	Salavan	Nam		Lào	2018	Khá	10480	480/2018			
36	Noknapha	CHAMPAKHAM	14/8/1986	Salavan	Nữ		Lào	2018	Xuất sắc	10481	481/2018			
37	Phonesavath	VONGNADY	07/03/1974	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10482	482/2018			
38	Sybounhuang	THANOMHAK	13/11/1976	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10483	483/2018			
39	Bounthong	CHOMMANY	25/6/1983	Salavan	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10484	484/2018			
40	Baisavanh	THONGKEOMANY	21/7/1985	Salavan	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10485	485/2018			

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Năm TN	Xếp loại TN	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Số CMND (người nhận)	Người nhận (ký, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
41	Khambang	SAIYAMA	03/06/1969	Salavan	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10486	486/2018			
42	Kongchack	DADIVONG	01/01/1979	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10487	487/2018			
43	Saythong	LINTHASONE	26/5/1987	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10488	488/2018			
44	Phetsamone	KEODARA	28/8/1977	Salavan	Nữ		Lào	2018	Giỏi	10489	489/2018			
45	Kanchanh	CHANHTHASONE	09/03/1980	Salavan	Nữ		Lào	2018	Khá	10490	490/2018			
46	Khounhane	PHEUYLOUANGPHET	07/10/1975	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10491	491/2018			
47	Thongsay	KEOVILAYSAK	07/04/1969	Salavan	Nữ		Lào	2018	Khá	10492	492/2018			
48	Nixay	VORLASANE	07/04/1982	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10493	493/2018			
49	Bounleuy	SAYKOUMEN	01/01/1979	Salavan	Nam		Lào	2018	Giỏi	10494	494/2018			
50	Sengchanh	DOUANGPHACHAK	01/12/1975	Salavan	Nam		Lào	2018	Khá	10495	495/2018			

Danh sách này gồm có 50 học viên